

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	5 – 40
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 40

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Kinh doanh các loại sơn;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng dự án.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên
Bà Bùi Kim Yên	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

Số : 278./2017/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc


Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		167.221.883.398	68.121.640.806
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	465.857.547	1.637.493.017
1.	Tiền	111		465.857.547	1.637.493.017
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.320.000.000	1.320.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		1.320.000.000	1.320.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.670.726.220	18.788.361.487
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	43.653.710.602	15.810.816.403
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.659.855.525	7.677.419.288
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	643.750.000	843.750.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	41.329.181.043	3.285.365.895
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(8.615.770.950)	(8.828.990.099)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	80.535.658.778	46.269.176.962
1.	Hàng tồn kho	141		88.201.527.795	53.900.703.535
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(7.665.869.017)	(7.631.526.573)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.229.640.853	106.609.340
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	49.968.726	106.609.340
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.179.672.127	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.404.908.335.011	2.344.186.935.998
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.478.752.827
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	2.478.752.827
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		-	7.850.082
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	-	7.850.082
	- Nguyên giá	222		8.947.550.000	8.947.550.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.947.550.000)	(8.939.699.918)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	2.403.991.569.637	2.341.060.800.559
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2.232.866.438.431	2.228.136.438.431
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		269.934.123.252	212.868.951.380
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		300.244.536	300.244.536
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(99.109.236.582)	(100.244.833.788)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		916.765.374	639.532.530
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	916.765.374	639.532.530
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.572.130.218.409	2.412.308.576.804

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		477.283.215.153	325.539.176.918
I.	Nợ ngắn hạn	310		355.383.626.109	193.931.538.658
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	185.632.942.780	64.188.816.220
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	108.995.370.501	70.533.484.134
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	112.940.907	167.688.169
4.	Phải trả người lao động	314		746.709.595	1.428.503.274
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	64.587.878	69.370.669
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	109.200.000	327.600.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	9.514.067.939	8.230.216.732
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	49.492.288.049	48.270.341.000
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		121.899.589.044	131.607.638.260
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.10	44.860.612.304	48.580.612.304
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.11	54.874.000.000	59.905.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.14	430.120.503	508.169.003
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	21.734.856.237	22.613.856.953
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.094.847.003.256	2.086.769.399.886
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.094.847.003.256	2.086.769.399.886
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.721.683.671	3.721.683.671
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.125.369.585	84.047.766.215
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		84.047.766.215	81.194.806.296
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.077.603.370	2.852.959.919
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.572.130.218.409	2.412.308.576.804

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	198.571.828.364	124.462.068.213
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	6.821.822	611.767.191
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		198.565.006.542	123.850.301.022
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	186.690.925.605	122.927.062.986
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.874.080.937	923.238.036
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	4.361.396.238	11.200.282.773
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.143.200.253	1.533.431.266
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.278.797.459	2.430.766.923
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.074.395.833	23.676.194
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	4.734.021.321	1.814.904.174
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.283.859.768	8.751.509.175
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	115.235.634	260.904.673
12.	Chi phí khác	32	VI.07	200.492.748	59.941.132
13.	Lợi nhuận khác	40		(85.257.114)	200.963.541
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.198.602.654	8.952.472.716
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	(879.000.716)	(879.000.716)
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.077.603.370	9.831.473.432

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.198.602.654	8.952.472.716
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		7.850.082	522.011.791
-	Các khoản dự phòng	03		(1.314.473.911)	(1.680.067.716)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.361.396.238)	(11.453.374.375)
-	Chi phí lãi vay	06		2.278.797.459	2.430.766.923
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		3.809.380.046	(1.228.190.661)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(63.570.064.884)	(38.074.037.826)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34.300.824.260)	2.016.995.537
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		151.401.129.694	85.567.208.298
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(220.592.230)	221.755.500
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(2.278.835.251)	(2.442.713.647)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		54.840.193.115	46.061.017.201
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	502.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200.000.000	9.200.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(61.795.171.872)	(70.610.005.544)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	3.747.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.361.396.238	11.590.602.773
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(57.233.775.634)	(45.570.402.771)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		32.537.038.049	53.959.916.100
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.315.091.000)	(54.087.507.731)
5.	Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		1.221.947.049	(127.591.631)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.171.635.470)	363.022.799
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.637.493.017	300.548.343
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		465.857.547	663.571.142

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Kinh doanh các loại sơn;
- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa;
- Đầu tư, xây dựng dự án.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công Hà Nội	Số 96 Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp bao gồm:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ</u>	<u>Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ</u>	
			<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	88,63%	88,63%	88,49%
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	77,92%	77,92%	77,92%
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	97,34%	97,34%	99,34%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối kỳ</u>	<u>Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ</u>	
			<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100%	80%	80%
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	54,90%	54,90%	54,90%
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Khu công nghiệp phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	99,97%	99,97%	99,97%
Công ty CP Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Số 078 đường Lương Định Của, thị trấn Sapa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	100%	70%	-
Công ty CP Địa Ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	3,40%	69%	69%

- Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối kỳ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	
			<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	Số 10 Hải Phòng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	30%	30%	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,41%	35,41%	7,94%
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Tân Phú, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước	100%	40%	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2016.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Công ty là Công ty mẹ của các Công ty con. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	36.016.185	48.648.137
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	429.841.362	1.588.844.880
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	465.857.547	1.637.493.017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
Cộng	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm giữ 1.100.000 cổ phiếu của Công ty CP Viễn Thông Thăng Long với mệnh giá 10.000 đồng/CP. Tổng mệnh giá tương ứng là 11.000.000.000 đồng.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con	2.232.866.438.431	2.152.993.468.420	2.228.136.438.431	2.144.580.344.379
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	64.228.816.420	64.228.816.420	64.228.816.420	-
+ Công ty Liên doanh Fujii – Alpha	123.200.000.000	123.200.000.000	123.000.000.000	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	211.394.032.508	139.597.088.407	211.394.032.508	137.364.629.633
+ Công ty CP Địa Ốc Alphanam	1.582.377.131.503	1.574.301.105.593	1.582.377.131.503	1.572.850.440.326
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	443.000.000	443.000.000	443.000.000	443.000.000
+ Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	207.703.458.000	207.703.458.000	207.703.458.000	207.703.458.000
+ Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	38.990.000.000	38.990.000.000	38.990.000.000	38.990.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa ^(b)	980.000.000	980.000.000	-	-
+ Công ty CP Địa ốc Foodinco ^(c)	3.550.000.000	3.550.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên kết	269.934.123.252	250.697.856.681	(19.236.266.571)	212.868.951.380	196.180.211.644	(16.688.739.736)
+ Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	110.250.000.000	93.084.494.718	(17.165.505.282)	110.250.000.000	93.968.706.566	(16.281.293.434)
+ Công ty CP Sao Đỏ Đà Nẵng	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn (a)	147.584.123.252	145.513.361.963	(2.070.761.289)	90.618.951.380	90.211.505.078	(407.446.302)
+ Công ty CP WWB Alphanam (c)	100.000.000	100.000.000	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	300.244.536	300.244.536	-	300.244.536	300.244.536	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565	244.536	244.536	-	244.536	244.536	-
+ Quỹ hỗ trợ phát triển trường ĐH kinh tế	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Cộng	2.503.100.806.21	2.408.574.229.806	(99.109.236.582)	2.441.305.634.34	2.341.060.800.55	(100.244.833.788)

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý. Lý do thay đổi các khoản đầu tư:

- (a) Trong kỳ, Công ty mua 20.000 cổ phiếu của Công ty Liên doanh Fuji – Alpha với giá 200.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm giữ 12.320.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 88,63% vốn điều lệ của Công ty Liên doanh Fuji – Alpha.
- (b) Khoản vốn góp vào Công ty CP Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa tăng do Công ty góp vốn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02.0310/QĐ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2017. Vốn cam kết góp của Công ty vào Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa là 553.000.000.000 đồng, chiếm 70% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm giữ 98.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 100% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa.
- (c) Trong kỳ, Công góp vốn vào Công ty Cổ phần Địa Ốc Foodinco; Vốn cam kết góp 346.411.280.000 đồng, chiếm 69% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Địa Ốc Foodinco. Vốn thực góp tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2017 là 3.550.000.000 đồng, chiếm 3,40% vốn thực góp của Công ty Cổ phần Địa Ốc Foodinco.
- (d) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn tăng do trong kỳ Công ty mua 1.640.324 cổ phiếu với giá mua 56.965.171.872 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty giữ 4.249.317 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 35,41% vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (e) Khoản vốn góp vào Công ty CP WWB Alphanam tăng do Công ty góp vốn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2017/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 7 năm 2017. Vốn cam kết góp của Công ty vào Công ty Cổ phần WWB Alphanam là 92.000.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm giữ 10.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/CP, chiếm 100% vốn thực góp của Công ty Cổ phần WWB Alphanam.

Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Tên Công ty con, Công ty liên kết	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty con				
Công ty CP Alphanam E&C	120.000.000.000	72.001.000.000	60	Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	139.000.000.000	123.200.000.000	88,63	Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa thang máy
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	223.877.000.000	174.455.640.000	77,92	Đầu tư kinh doanh bất động sản và kinh doanh lúa mỳ
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam	600.000.000.000	584.037.380.000	97,34%	Đầu tư kinh doanh bất động sản, buôn bán thiết bị vệ sinh
Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	443.000.000	443.000.000	100	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	200.000.000.000	109.800.000.000	54,90	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	39.000.000.000	38.990.000.000	99,97	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	980.000.000	980.000.000	100	Dịch vụ và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	104.330.000.000	3.550.000.000	3,40	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
2. Công ty liên kết				
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	35,0	Sản xuất sơn
Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	40.000.000.000	12.000.000.000	30,0	Thương mại
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	120.000.000.000	42.493.170.000	35,41	Dịch vụ và kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	100.000.000	100.000.000	100	Sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	43.653.710.602	(8.615.770.950)	15.810.816.403	(8.828.990.099)
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	5.664.459.141	-	350.000.000	-
- Công ty CP Xây lắp và TM COMA25	2.266.278.331	(2.266.278.331)	2.566.278.331	(2.566.278.331)
- Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn	4.174.792.169	-	5.447.839.496	-
- Công ty CP Địa ốc Alphanam	22.443.447.086	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	9.104.733.875	(6.349.492.619)	7.446.698.576	(6.262.711.768)
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	43.653.710.602	(8.615.770.950)	15.810.816.403	(8.828.990.099)

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	32.313.960.216	5.931.246.193
- Công ty CP Đầu tư Minh Nguyễn	4.174.792.169	5.447.839.496
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	5.583.600	79.041.600
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng - Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	1.933.800	39.065.677
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	18.489.420	15.299.420
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	22.443.447.086	-
- Công ty CP Viễn thông Thăng Long	5.664.459.141	350.000.000
- Công ty CP WWB Alphanam	5.255.000	-
Cộng	32.313.960.216	5.931.246.193

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	643.750.000	-	843.750.000	-
- Công ty Cổ phần Động Lực	643.750.000	-	843.750.000	-
Cộng	643.750.000	-	843.750.000	-

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	41.329.181.043	-	3.285.365.895	-
- Tạm ứng	25.244.438	-	57.324.438	-
- Ký cược, ký quỹ	11.000.000	-	600.000.000	-
- Phải thu khác	41.292.936.605	-	2.628.041.457	-
+ Công ty Cổ phần Động Lực	35.221.972	-	19.362.120	-
+ Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	460.837.882	-	455.852.882	-
+ Công ty Cổ phần BĐS Đầu tư Hoa Anh Đào	3.817.464.755	-	2.151.464.755	-
+ Công ty CP Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa (*)	36.922.436.400	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	56.975.596	-	1.361.700	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	41.329.181.043	-	3.285.365.895	-

(*) Là khoản chi hộ Công ty CP Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa tiền đền bù đất tại dự án Sapa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM
 Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	12.315.335.961	-	12.307.898.659	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.182.725.073	-	346.040.958	-
- Thành phẩm	15.346.933.738	(7.665.869.017)	15.464.842.641	(7.631.526.573)
- Hàng hoá	52.319.196.201	-	25.744.584.455	-
- Hàng gửi bán	37.336.822	-	37.336.822	-
Cộng	88.201.527.795	(7.665.869.017)	53.900.703.535	(7.631.526.573)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm		2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
- Mua trong kỳ		-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ		2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		2.683.375.226	1.335.438.395	4.545.320.070	375.566.227	8.939.699.918
- Khấu hao trong kỳ		-	7.850.082	-	-	7.850.082
Số dư cuối kỳ		2.683.375.226	1.343.288.477	4.545.320.070	375.566.227	8.947.550.000
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		-	7.850.082	-	-	7.850.082
2. Tại ngày cuối kỳ		-	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 8.947.550.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Trong kỳ	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Ngắn hạn</i>	49.968.726	106.609.340						
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	19.661.391	2.925.000						
- Các khoản khác	30.307.335	103.684.340						
<i>b. Dài hạn</i>	916.765.374	639.532.530						
- Chi phí sửa chữa	232.010.002	385.954.548						
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	100.635.171	253.577.982						
- Chi phí lắp đặt Showroom	542.511.099	-						
- Chi phí khác	41.609.102	-						
Cộng	966.734.100	746.141.870						
09. Vay và nợ thuê tài chính								
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
a. Vay ngắn hạn	48.270.341.000	48.270.341.000	32.537.038.049	31.315.091.000	49.492.288.049	49.492.288.049		
- <i>Vay ngân hàng</i>	47.969.571.000	47.969.571.000	31.287.038.049	31.315.091.000	47.941.518.049	47.941.518.049		
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)			31.287.038.049	31.315.091.000	47.941.518.049	47.941.518.049		
- <i>Vay đối tượng khác</i>	300.770.000	300.770.000	1.250.000.000	-	1.550.770.000	1.550.770.000		
+ Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000	40.000.000		
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000	-	-	260.770.000	260.770.000		
+ Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng hạ tầng Việt Nam ^(b)	-	-	1.250.000.000	-	1.250.000.000	1.250.000.000		
Cộng	48.270.341.000	48.270.341.000	32.537.038.049	31.315.091.000	49.492.288.049	49.492.288.049		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 9,7%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 gồm: Thế chấp sàn tầng 3 thuộc DA nhà ở Sakura 47 Vũ Trọng Phụng thuộc sở hữu của Alphanam E&C và quyền sử dụng đất tại Số 4 Tô Hiến Thành - Hai Bà Trưng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Tuấn Hải và bà Đỗ Thị Minh Anh.
- (b) Khoản vay Công ty CP Đầu tư phát triển và Xây dựng hạ tầng Việt Nam theo hợp đồng số 01/2017/HĐVV/HTVN ký ngày 11/05/2017.

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	185.632.942.780	185.632.942.780	64.188.816.220	64.188.816.220
- Công ty CP Delta Việt Nam	98.523.614.152	98.523.614.152	49.204.687.330	49.204.687.330
- Công ty CP Alphanam E&C	75.365.332.419	75.365.332.419	2.065.279.398	2.065.279.398
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	6.026.719.362	6.026.719.362	5.626.719.362	5.626.719.362
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	5.717.276.847	5.717.276.847	7.292.130.129	7.292.130.129
b. Phải trả người bán dài hạn	44.860.612.304	44.860.612.304	48.580.612.304	48.580.612.304
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	32.120.000.000	32.120.000.000	35.840.000.000	35.840.000.000
- Công ty CP Foodinco miền Trung	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304
Cộng	230.493.555.084	230.493.555.084	112.769.428.524	112.769.428.524
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Phải trả người bán ngắn hạn	84.075.807.356	84.075.807.356	10.760.093.996	10.760.093.996
- Công ty liên doanh Fuji - Alpha	1.292.133.957	1.292.133.957	1.292.133.957	1.292.133.957
- Công ty CP Alphanam E&C	75.365.332.419	75.365.332.419	2.065.279.398	2.065.279.398
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	6.026.719.362	6.026.719.362	5.626.719.362	5.626.719.362
- Công ty TNHH Kansai - Alphanam	9.703.867	9.703.867	-	-
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	294.078.400	294.078.400	441.117.804	441.117.804
- Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	1.087.839.351	1.087.839.351	1.334.843.475	1.334.843.475
Phải trả người bán dài hạn	44.860.612.304	44.860.612.304	48.580.612.304	48.580.612.304
- Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco	32.120.000.000	32.120.000.000	35.840.000.000	35.840.000.000
- Công ty CP Foodinco miền Trung	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304	12.740.612.304
Cộng	128.936.419.660	128.936.419.660	59.340.706.300	59.340.706.300

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	108.995.370.501	108.995.370.501	70.533.484.134	70.533.484.134
- Công ty CP Địa Ốc Alphanam	-	-	32.419.102.617	32.419.102.617
- Công ty TNHH Đầu tư và TM Mon	-	-	14.887.925.232	14.887.925.232
- Công ty CP Alphanam E&C	64.885.144.444	64.885.144.444	15.251.367.628	15.251.367.628
- Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Đông Á	39.113.651.200	39.113.651.200	3.856.915.300	3.856.915.300
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	4.996.574.857	4.996.574.857	4.118.173.357	4.118.173.357
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	54.874.000.000	54.874.000.000	59.905.000.000	59.905.000.000
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	54.874.000.000	54.874.000.000	59.905.000.000	59.905.000.000
Cộng	163.869.370.501	163.869.370.501	130.438.484.134	130.438.484.134

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	94.752.237	143.899.035	238.651.272	-	-	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	72.935.932	207.206.620	167.201.645	-	-	-	112.940.907
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	571.459.968	571.459.968	-	-	-	-
Cộng	-	167.688.169	926.565.623	981.312.885	-	-	-	112.940.907

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	64.587.878	69.370.669
- Chi phí lãi vay	64.587.878	64.625.670
- Các khoản trích trước khác	-	4.744.999
Cộng	64.587.878	69.370.669

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	9.514.067.939	8.230.216.732
- Kinh phí công đoàn	271.776.791	271.633.967
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.242.291.148	7.958.582.765
+ Công ty CP Foodinco Miền Trung	1.761.643.027	1.761.643.027
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	6.177.500.000	4.875.000.000
+ Các đối tượng khác	1.303.148.121	1.321.939.738
b. Dài hạn	430.120.503	508.169.003
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	430.120.503	508.169.003
Cộng	9.944.188.442	8.738.385.735

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	109.200.000	327.600.000
- Doanh thu nhận trước về cho thuê địa điểm đặt biển quảng cáo	109.200.000	327.600.000
Cộng	109.200.000	327.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

Số cuối kỳ	Số đầu năm
21.734.856.237	22.613.856.953
21.734.856.237	22.613.856.953

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	81.194.806.296	2.083.916.439.967
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.852.959.919	2.852.959.919
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/ Số dư đầu năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	84.047.766.215	2.086.769.399.886
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	8.077.603.370	8.077.603.370
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	92.125.369.585	2.094.847.003.256

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Vốn góp của các cổ đông khác	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
Cộng	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	192.484.413	192.484.413
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Doanh thu bán hàng hóa	97.487.572.282	123.846.100.179
- Doanh thu bán thành phẩm	248.536.370	77.568.034
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	650.400.000	538.400.000
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	100.185.319.712	-
Cộng	198.571.828.364	124.462.068.213

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chiết khấu thương mại	6.821.822	611.767.191
Cộng	6.821.822	611.767.191

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.898.639.093	122.203.446.698
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	128.143.466	106.168.889
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	400.913.242	315.935.911
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	92.228.887.360	-
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	34.342.444	301.511.488
Cộng	186.690.925.605	122.927.062.986

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.396.238	130.282.773
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.305.000.000	11.070.000.000
Cộng	4.361.396.238	11.200.282.773

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền vay	2.278.797.459	2.430.766.923
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(1.135.597.206)	(897.335.657)
Cộng	1.143.200.253	1.533.431.266

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	253.091.602
- Các khoản khác	115.235.634	7.813.071
Cộng	115.235.634	260.904.673

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Các khoản bị phạt chậm nộp	-	15.784.412
- Các khoản khác	200.492.748	44.156.720
Cộng	200.492.748	59.941.132

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	4.947.240.470	2.061.947.896
- Chi phí nhân viên quản lý	3.190.596.996	865.376.270
- Chi phí đồ dùng văn phòng	37.100.857	883.334
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.850.082	356.788.505
- Thuế, phí và lệ phí	5.515.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	570.133.182	697.792.868
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.136.044.353	138.106.919
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.074.395.833	23.676.194
- Chi phí nhân viên	1.635.433.585	-
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	63.041.768	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	23.676.194
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.196.652.019	-
- Chi phí khác bằng tiền	179.268.461	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	(213.219.149)	(247.043.722)
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(213.219.149)	(247.043.722)
Cộng	7.808.417.154	1.838.580.368

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(879.000.716)	(879.000.716)
- Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(879.000.716)	(879.000.716)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.643.141	6.747.357
- Chi phí nhân công	4.831.951.823	884.838.433
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.850.082	522.011.791
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	94.095.815.186	709.060.868
- Chi phí khác bằng tiền	9.556.095.351	308.694.409
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(213.219.149)	(247.043.722)
Cộng	108.285.136.434	2.184.309.136

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Đơn vị tính: VND Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Minh Nhật – Ủy Viên HĐQT		
Chuyên nhượng 1.463.000 cổ phiếu của Công ty CP Alphanam Food	-	14.630.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Tuấn Hải – Chủ tịch HĐQT		
Phải trả khác	6.177.500.000	4.875.000.000
Ban Tổng Giám đốc		
Bà Đỗ Thị Minh Anh - Phó Tổng Giám Đốc		
Vay ngắn hạn	260.770.000	260.770.000
Phải trả khác	600.000	600.000
Cộng nợ phải trả	6.438.870.000	5.136.370.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tiền lương	789.925.348	428.248.875
Cộng	789.925.348	428.248.875

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con và các công ty liên kết.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Công ty con
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha	Công ty con
- Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đô thị Hanel – Alphanam	Công ty con
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Công ty con
- Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty con
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con
- Công ty Cổ phần Foodinco Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp
- Công ty TNHH MTV Thực phẩm Foodinco	Công ty con gián tiếp
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty con gián tiếp

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Xây dựng - Tự động hóa và truyền thông Vinacon	Công ty con gián tiếp
- Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty con gián tiếp
- Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xây dựng hạ tầng Việt Nam	Công ty liên kết gián tiếp
- Công ty CP Viễn Thông Thăng Long	Công ty trong cùng tập đoàn
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty trong cùng tập đoàn

Đơn vị tính: VND

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Công ty Cổ phần Alphanam E&C		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	46.167.218.691	92.296.772.079
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	92.300.048.107	342.000.000
- Chiết khấu thương mại	-	611.767.191
- Bán ô tô	-	500.000.000
Công ty Liên doanh Fuji -Alpha		
- Bán hàng hóa	10.152.000	-
- Cổ tức được chia	4.305.000.000	11.565.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
- Bán hàng hóa	8.633.000	-
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	100.185.319.712	-
- Sử dụng dịch vụ	802.032.000	-
- Mua 1.640.324 cổ phiếu Công ty CPĐT Minh Nguyên với giá 34.728 VND/CP	56.965.171.872	-
- Mua 1.521.846 cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 VND/CP	-	48.160.338.516
- Mua 120.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sao Đỏ Đà Nẵng với giá 100.000 VND/CP	-	12.000.000.000
- Mua 375.194 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn với giá 19.768 VND/CP	-	7.423.588.484
- Mua 78.498 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên với giá 34.728 đồng/CP	-	2.726.078.544
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam		
- Bán hàng và cung cấp dịch vụ	655.968.000	542.018.000
- Mua hàng và sử dụng dịch vụ	45.973.563	20.509.317
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên		
- Bán hàng hóa	197.229.702	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây		
- Bán hàng hóa	1.194.000	-
Công ty Cổ phần Foodinco miền Trung		
- Bán hàng hóa	1.194.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Tự động hóa và truyền thông Vinacon		
- Bán hàng hóa	22.730.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.10, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng - Tự động hóa và truyền thông Vinacon		
+ Trả trước cho người bán dài hạn	-	2.478.752.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây		
+ Trả trước cho người bán dài hạn	757.500.000	-
Công ty CP BĐS Hoa Anh Đào		
+ Phải thu khác	3.817.464.755	2.151.464.755
Công ty Cổ phần Đầu tư công viên văn hóa Mường Hoa		
+ Phải thu khác	36.922.436.400	-
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn		
+ Phải thu khác	455.852.882	455.852.882
Cộng nợ phải thu	<u>41.953.254.037</u>	<u>5.086.070.464</u>
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Alphanam E&C		
+ Người mua trả tiền trước	64.885.144.444	15.251.367.628
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
+ Người mua trả tiền trước	-	3.856.915.300
Công ty Liên doanh Fuji - Alpha		
+ Phải trả khác	49.210.870	49.210.870
Tổng Công ty CP Đầu tư và XNK Foodinco		
+ Phải trả khác	185.000.000	185.000.000
Công ty CP Foodinco miền Trung		
+ Người mua trả tiền trước	57.222.346	58.535.746
+ Phải trả khác	1.761.643.027	1.761.643.027
Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam		
+ Người mua trả tiền trước	-	32.419.102.617
Công ty Cổ phần WWB Alphanam		
+ Phải trả khác	5.255.000	-
Cộng nợ phải trả	<u>66.943.475.687</u>	<u>53.581.775.188</u>

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: cho thuê xe ô tô và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực khác: bán thành phẩm sơn và hoạt động xây dựng;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Sản xuất	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017						
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	97.480.750.460	650.400.000	248.536.370	100.185.319.712	4.305.000.000	202.870.006.542
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	98.823.029.951 (1.342.279.491)	433.769.204	140.698.665	97.324.246.160	(1.135.597.206)	195.586.146.774
- Lợi nhuận từ hoạt động KD		216.630.796	107.837.705	2.861.073.552	5.440.597.206	7.283.859.768
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	22.330.459.174	148.990.755	56.933.612	22.950.009.937	-	45.486.393.478
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	119.204.496	795.343	303.923	122.511.783	-	242.815.545
Số dư tại ngày 30/6/2017						
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	106.764.404.988	281.094.156	7.825.815.628	51.481.476.453	2.405.311.569.637	2.571.664.360.862
- Tài sản không phân bổ						465.857.547
Tổng tài sản	106.764.404.988	281.094.156	7.825.815.628	51.481.476.453	2.405.311.569.637	2.572.130.218.409
- Nợ phải trả bộ phận	233.959.535.608	1.560.998.261	596.501.909	240.450.660.915	-	476.567.696.693
- Nợ phải trả không phân bổ						715.518.460
Tổng nợ phải trả	233.959.535.608	1.560.998.261	596.501.909	240.450.660.915	-	477.283.215.153

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Đầu tư tài chính	Cộng
Từ ngày 01/01/2016 đến 30/6/2016					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	123.234.332.988	538.400.000	77.568.034	11.070.000.000	134.920.301.022
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	126.321.925.627 (3.087.592.639)	333.929.184 204.470.816	410.272.693 (332.704.659)	(897.335.657) 11.967.335.657	126.168.791.847 8.751.509.175
- Lợi nhuận từ hoạt động KD					
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	671.539.018	2.933.895	422.690	-	674.895.603
Số dư tại ngày 30/6/2016					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	187.687.259.397	686.209.530	8.253.276.190	2.326.199.890.335	2.522.826.635.452
- Tài sản không phân bổ					300.548.343
Tổng tài sản	187.687.259.397	686.209.530	8.253.276.190	2.326.199.890.335	2.523.127.183.795
- Nợ phải trả bộ phận	426.531.797.743	1.863.480.041	268.474.152	-	428.663.751.936
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	715.518.460
Tổng nợ phải trả	426.531.797.743	1.863.480.041	268.474.152	-	429.379.270.396

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.857.547	-	1.637.493.017	-	465.857.547	1.637.493.017
Phải thu về cho vay	643.750.000	-	843.750.000	-	643.750.000	843.750.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	84.946.647.207	(8.615.770.950)	18.438.857.860	(8.828.990.099)	76.330.876.257	9.609.867.761
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.320.000.000	-	1.320.000.000	-	1.320.000.000	1.320.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	300.244.536	-	300.244.536	-	300.244.536	300.244.536
Cộng	87.676.499.290	(8.615.770.950)	22.540.345.413	(8.828.990.099)	79.060.728.340	13.711.355.314

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	230.493.555.084	112.769.428.524	230.493.555.084	112.769.428.524
Vay và nợ	49.492.288.049	48.270.341.000	49.492.288.049	48.270.341.000
Chi phí phải trả	64.587.878	69.370.669	64.587.878	69.370.669
Các khoản phải trả khác	9.672.411.651	8.466.751.768	9.672.411.651	8.466.751.768
Cộng	289.722.842.662	169.575.891.961	289.722.842.662	169.575.891.961

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Công ty Cổ phần Động Lực vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	185.632.942.780	44.860.612.304	-	230.493.555.084
Vay và nợ	49.492.288.049	-	-	49.492.288.049
Chi phí phải trả	64.587.878	-	-	64.587.878
Các khoản phải trả khác	9.242.291.148	430.120.503	-	9.672.411.651
Cộng	244.432.109.855	45.290.732.807	-	289.722.842.662
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	64.188.816.220	48.580.612.304	-	112.769.428.524
Vay và nợ	48.270.341.000	-	-	48.270.341.000
Chi phí phải trả	69.370.669	-	-	69.370.669
Các khoản phải trả khác	7.958.582.765	508.169.003	-	8.466.751.768
Cộng	120.487.110.654	49.088.781.307	-	169.575.891.961

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vân Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 15 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn